

KINH NGHIỆM HỖ TRỢ NGƯỜI CAO TUỔI KHỞI NGHIỆP TẠI MỘT SỐ QUỐC GIA VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

TS. Doãn Thị Mai Hương

Trường Đại học Lao động - Xã hội

huongdoanthimai@yahoo.com

TS. Nguyễn Trung Hải 76

Trường Đại học Lao động - Xã hội

haitc08ulsa@gmail.com

TS. Mai Thị Dung

Trường Đại học Lao động - Xã hội

maidungins@gmail.com

Tóm tắt: Bài viết tập trung nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia (bao gồm Anh, Úc, Thái Lan) đang bước vào giai đoạn già hóa dân số trong việc thực hiện các giải pháp hỗ trợ người cao tuổi khởi nghiệp. Kinh nghiệm nổi bật là nghiên cứu nhu cầu, thách thức, rào cản đối với người cao tuổi khởi nghiệp bao gồm rào cản về chính sách, vốn, cơ sở hạ tầng, động lực khởi nghiệp, kỹ năng, kiến thức khởi nghiệp. Đó là cơ sở để ban hành giải pháp hỗ trợ phù hợp và toàn diện. Các giải pháp này tạo ra nhiều tác động tích cực đến đảm bảo an sinh xã hội, phúc lợi xã hội cho người cao tuổi và các nhóm dân cư khác, tác động tích cực đến tăng trưởng của nền kinh tế. Trên cơ sở kinh nghiệm hỗ trợ người cao tuổi khởi nghiệp của các quốc gia này, bài viết rút ra một số bài học cho Việt Nam.

Từ khóa: Người cao tuổi, hỗ trợ, khởi nghiệp, kinh nghiệm, bài học

EXPERIENCE OF SUPPORTING THE ELDERLY TO STARTUP A BUSINESS IN SOME COUNTRIES AND LESSONS FOR VIETNAM

Abstract: The article focuses on the experience in implementing solutions to support elderly entrepreneurs of some countries (including the UK, Australia, and Thailand) that are entering the aging population stage. Outstanding experience is researching on demand, challenges, barriers against the elderly to start up a business, including policy, capital, infrastructure, startup motivation, skills, and knowledge. Karma. That is the basis for issuing a suitable and comprehensive support solution. These solutions create many positive impacts on ensuring social security; social welfare for the elderly and other population groups; positive impact on economic growth. Based on the experience of supporting the elderly to start a business in these countries, the article draws some lessons for Vietnam.

Keywords: the elderly, support, start up, experience, lessons

Mã bài báo: JHS - 94

Ngày nhận sửa bài: 10/12/2022

Ngày nhận bài: 19/11/2022

Ngày duyệt đăng: 12/01/2023

Ngày nhận phản biện: 02/12/2022

1. Giới thiệu

Làn sóng khởi nghiệp đã lan tỏa khắp nơi trên thế giới, truyền cảm hứng cho những người có ý tưởng và mong muốn thực hiện kinh doanh, cung cấp dịch vụ xã hội, hỗ trợ tạo việc làm, duy trì/mở rộng các hoạt động kinh tế sẵn có, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế. Khởi nghiệp đã và đang là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế ở nhiều quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam. Mặc dù, được tiếp cận theo nhiều khía cạnh khác nhau, song có thể hiểu khởi nghiệp là thuật ngữ phản ánh *một trạng thái bắt đầu để thực hiện một công việc kinh doanh*. Bài viết sử dụng khái niệm khởi nghiệp này và cũng để phân biệt với khái niệm khởi nghiệp sáng tạo (*“Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo là doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có thời gian hoạt động không quá 5 năm kể từ ngày được cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu”* (Quyết định 844/QĐ-TTg về việc phê duyệt đề án hỗ trợ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025)).

Trong làn sóng khởi nghiệp, người cao tuổi (NCT) là một chủ thể quan trọng và đặc biệt. Mặc dù đến tuổi nghỉ hưu, nhưng nhiều NCT tiếp tục có nhu cầu khởi nghiệp, tiếp tục tham gia thị trường lao động. Động cơ khởi nghiệp của nhiều người trong số họ có thể bắt nguồn từ nhu cầu giao tiếp xã hội, rèn luyện sức khỏe, cống hiến cho xã hội, nhưng cũng có thể bắt nguồn từ nhu cầu tự đảm bảo sinh kế OECD (2013). Người cao tuổi thường có sẵn các kỹ năng, nguồn tài chính và thời gian để đóng góp vào hoạt động kinh tế, điều này dẫn đến sự gia tăng tinh thần khởi nghiệp của NCT (Alex M., 2015). So với người trẻ, NCT có lợi thế về mạng lưới mối quan hệ xã hội, về trình độ và kỹ năng quản lý; về kinh nghiệm làm việc và tích lũy tài chính (EU, 2012). Nghiên cứu của Alvarez H. & cộng sự (2011) dựa trên phân tích hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp tại 22 quốc gia đã cho thấy kết quả NCT có thể tận dụng tốt hơn kiến thức và kinh nghiệm trước đây so với người trẻ. Nghiên cứu của GEM, (2017), tinh thần khởi nghiệp của những người cao tuổi trở thành một động lực lớn cho nền kinh tế. Điều này trái ngược với quan điểm truyền thống rằng khởi nghiệp là nỗ lực của người trẻ, ở nhiều nơi và nhiều

khía cạnh, NCT là nhóm tuổi có khả năng kinh doanh cao.

Việt Nam là một trong các quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới. Những người từ 60 tuổi trở lên chiếm 11,9% tổng dân số vào năm 2019 và đến năm 2050, con số này sẽ tăng lên hơn 25%. Đến năm 2036, Việt Nam bước vào thời kỳ dân số già, chuyển từ xã hội “già hóa” sang xã hội “già” (<https://vietnam.unfpa.org>). Nghiên cứu của Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc, 80% dân số sau khi nghỉ hưu mong muốn tìm thêm việc làm. Do đó, việc hỗ trợ NCT khởi nghiệp ở Việt Nam có một ý nghĩa rất quan trọng, góp phần làm tăng thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống của NCT, góp phần cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho gia đình NCT, giảm áp lực lên hệ thống phúc lợi xã hội, tạo việc làm, tăng của cải cho xã hội. Bài viết tập trung nghiên cứu kinh nghiệm của các nước phát triển đa phần có dân số già hoặc siêu già đã áp dụng chính sách khuyến khích, hỗ trợ người cao tuổi khởi nghiệp. Trên cơ sở đó, bài viết rút ra những bài học và hàm ý chính sách cho Việt Nam.

2. Tổng quan nghiên cứu về hỗ trợ người cao tuổi khởi nghiệp

Theo Alex M. và cộng sự (2015), các khía cạnh của hệ sinh thái khởi nghiệp - bao gồm (1) Chính sách (lãnh đạo và chính phủ), (2) Tài chính, (3) Văn hóa (chuẩn mực xã hội), (4) Cơ sở vật chất (kết cấu hạ tầng), (5) Nhân lực (giáo dục và đào tạo, lao động) và (6) Thị trường (mạng lưới, các bên liên quan, khách hàng). Đây là những yếu tố quan trọng để tăng cường hoạt động kinh doanh nói chung và của NCT nói riêng. Vì vậy, hầu hết chính sách hỗ trợ của các quốc gia dành cho NCT khởi nghiệp đều tập trung vào các khía cạnh trên. Mục tiêu kinh tế của chính sách hỗ trợ NCT khởi nghiệp là cung cấp một môi trường tích cực và hỗ trợ NCT có môi trường kinh doanh và phát triển nhiều hơn. Mục tiêu xã hội của chính sách hỗ trợ NCT khởi nghiệp là giúp những NCT vẫn hoạt động kinh tế theo những cách phù hợp nhất với họ, đồng thời khai thác tiềm năng kinh doanh của họ, giúp cải thiện mức sống.

Kết quả nghiên cứu của OECD (2013) chỉ ra rằng mục tiêu kinh tế của chính sách hỗ trợ NCT khởi nghiệp là cung cấp một môi trường tích cực, nơi những NCT có nhiều tham vọng kinh doanh

hơn có thể phát triển. Ngay cả khi hoạt động này không đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế, việc khuyến khích NCT tự kinh doanh, hoặc kéo dài sự nghiệp làm việc của NCT thông qua tự kinh doanh, sẽ tạo ra giá trị gia tăng cho xã hội, mức sống của NCT và gia đình được cải thiện.

EU (2012) khẳng định để tăng khả năng kinh doanh của NCT, chính sách hỗ trợ người khởi nghiệp tập trung vào các yếu tố ngữ cảnh ảnh hưởng đến quyết định của người đó để tham gia vào hoạt động kinh doanh. Yếu tố quan trọng đầu tiên là thay đổi nhận thức của NCT và xã hội về lợi ích của tinh thần khởi nghiệp của NCT. Những chính sách hướng vào hoạt động khởi nghiệp của NCT là tăng cường kiến thức cho NCT như lập kế hoạch kinh doanh, quảng bá hình ảnh của các doanh nhân lớn tuổi, làm phim về câu chuyện của doanh nhân lớn tuổi, cung cấp cho NCT cơ hội tìm hiểu về tinh thần kinh doanh và các kỹ năng cần thiết để bắt đầu kinh doanh. Thậm chí, Châu Âu còn thực hiện các chương trình hướng đến các nhóm nhỏ hơn như khóa đào tạo thúc đẩy việc tự kinh doanh như một cách để tái hòa nhập thị trường lao động dành cho những người thất nghiệp trên 50 tuổi, chương trình hỗ trợ tài chính cho việc khởi sự kinh doanh, chương trình hỗ trợ đào tạo, tư vấn bởi chính các doanh nhân nữ dành cho các doanh nhân nữ trên 50 tuổi, dân tộc thiểu số, cha mẹ đơn thân hoặc thất nghiệp dài hạn. Xuất phát từ những thách thức đối với khởi nghiệp của NCT, một giải pháp phổ biến được Bion, (2000), Hackman, (2005) đề xuất là khởi nghiệp theo nhóm.

Tại Việt Nam, với xu thế số hóa của toàn cầu, làn sóng khởi nghiệp cũng đang phát triển mạnh mẽ và là một trong những động lực thúc đẩy sự phát triển các sản phẩm công nghệ sáng tạo đáp ứng yêu cầu của đời sống xã hội. Hoạt động khởi nghiệp tại Việt Nam đã bắt đầu từ hơn mười năm trước với việc hình thành một số đơn vị, tổ chức, cá nhân khởi nghiệp trong lĩnh vực thương mại điện tử, dạy học trực tuyến (Thuận, B. T. B., 2019). Với quyết tâm mạnh mẽ, Đảng và Chính phủ đã thực hiện nhiều biện pháp từng bước hình thành, phát triển, thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp. Bước đầu tiên trong chuỗi các giải pháp là hoàn thiện văn bản của pháp luật về khởi nghiệp, như (1) Quyết định số 844/

QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”; (2) Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được Quốc hội thông qua ngày 12/6/2017, có hiệu lực từ ngày 01/01/2018 đã chứa đựng các nội dung về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp; (3) Luật Chuyển giao công nghệ sửa đổi được Quốc hội chính thức thông qua ngày 13/6/2017; (4) nhiều văn bản pháp lý khác nhằm hướng mục tiêu thúc đẩy các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp khởi nghiệp; trong đó tập trung cắt giảm nhiều thủ tục, giấy phép, tạo thuận lợi cho hoạt động khởi nghiệp của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư... (Thuận, 2019 & Hương, 2019; Hậu & cộng sự, 2019).

Qua tổng quan nghiên cứu có thể thấy rằng khởi nghiệp ở NCT và hỗ trợ người cao tuổi khởi nghiệp được đề cập đến ở nhiều công trình ngoài nước và một số công trình trong nước. Do vậy, cần thiết nghiên cứu về nội dung chính sách hỗ trợ người cao tuổi khởi nghiệp; những trở ngại về động lực khởi nghiệp, rào cản về thành kiến tuổi tác, khó khăn về tình trạng sức khỏe và sự thích ứng, linh hoạt với công nghệ, kỹ thuật; các giải pháp hỗ trợ NCT khởi nghiệp và kết quả hỗ trợ tại một số quốc gia, trên cơ sở đó rút ra bài học cho Việt Nam. Đây cũng là cơ sở để Chính phủ, cơ quan hoạch định chính sách đưa ra các giải pháp nhằm hỗ trợ NCT khởi nghiệp.

3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập dữ liệu: bài viết tổng quan các lý thuyết về chính sách và thực tiễn thực hiện hỗ trợ NCT khởi nghiệp ở các quốc gia. Để nghiên cứu chính sách hỗ trợ NCT ở các quốc gia đó và rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam, bài viết thu thập dữ liệu về số lượng người cao tuổi, đặc điểm nhân khẩu học; điều kiện kinh tế - xã hội, chính sách và giải pháp hỗ trợ NCT đã được áp dụng và kết quả thực hiện chính sách, giải pháp đó. Dữ liệu trong bài viết được thu thập, tổng hợp và chọn lọc từ sách, tạp chí nước ngoài và trong nước.

Phương pháp phân tích dữ liệu: phương pháp phân tích dữ liệu trước hết được sử dụng để rà soát giải pháp hỗ trợ NCT khởi nghiệp tại ba quốc gia: Anh, Úc và Thái Lan bao gồm quy định của pháp luật hiện hành về hỗ trợ khởi nghiệp nói chung và NCT khởi nghiệp nói riêng. Bài viết sử dụng phương pháp này ngoài việc tổng quan lý thuyết, còn dùng

để phân tích và tổng hợp các dữ liệu, kết quả giải pháp hỗ trợ khởi nghiệp.

Phương pháp so sánh: bài viết sử dụng phương pháp so sánh để làm rõ sự giống và khác nhau của đặc điểm NCT, giải pháp hỗ trợ NCT khởi nghiệp ở các quốc gia Anh, Úc, Thái Lan so với đặc điểm NCT và giải pháp hỗ trợ NCT khởi nghiệp ở Việt Nam. Qua đó, bài viết rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc đề xuất và thực hiện các giải pháp hỗ trợ NCT khởi nghiệp.

4. Kinh nghiệm hỗ trợ người cao tuổi khởi nghiệp của một số quốc gia trên thế giới

4.1. Kinh nghiệm của nước Anh

Tại nước Anh, những nghiên cứu về kinh nghiệm hỗ trợ NCT khởi nghiệp cho thấy tỷ lệ NCT tại quốc gia này ngày càng gia tăng do tuổi thọ tăng lên, mức sinh giảm xuống (Wainwright & Kibler, 2013). Theo dự báo đến năm 2034, có tới 23% dân số nước Anh thuộc độ tuổi từ 65 trở lên, trong khi đó, tỷ lệ dân số từ 16 tuổi trở xuống chỉ chiếm 18%. Trước thách thức này, trong năm 2011, nước Anh ban hành những quy định nâng độ tuổi được nhận trợ cấp xã hội từ 60 với nữ và 65 với nam lên mức 67 vào năm 2026 và 2028. Mục đích của việc ban hành chính sách này nhằm hướng tới nâng cao số lượng NCT tiếp tục làm việc, qua đó tiếp thêm nguồn lực động viên, khích lệ tinh thần khởi nghiệp ở nhóm dân số này.

Trên thực tế, các nghiên cứu của Botham & Grave (2009), của Kautonen (2012), cũng như của Kibler & cộng sự (2012) đều cho thấy NCT ở nước Anh có xu hướng quan tâm ngày càng nhiều hơn đến các hoạt động khởi nghiệp, dù họ phải đối diện với nhiều thách thức khác nhau, bao gồm:

Khoảng thời gian chuẩn bị khởi nghiệp không thể kéo dài như nhóm dân số trẻ

Khó khăn về thông tin

Khó khăn về thủ tục hành chính

Khó khăn về tiếp cận tài chính

Khó khăn về tìm kiếm thị trường

Những nghiên cứu của Catherine Lewis La Torre (2020) tiếp tục cho thấy một số những rào cản liên quan trực tiếp đến người khởi nghiệp có thể khiến cho hoạt động khởi nghiệp gặp nhiều rủi ro, thất bại, dù họ là NCT, đó là:

Người khởi nghiệp có trình độ học vấn thấp

Người khởi nghiệp trước đây từng làm việc ở

những nơi cho thu nhập thấp

Người khởi nghiệp trước đây từng sống trong vùng thiếu thốn, khó khăn

Người khởi nghiệp trước đây đa phần làm việc bán thời gian

Người khởi nghiệp trước đây làm việc trong các lĩnh vực cho năng suất thấp

Người khởi nghiệp thuộc các nhóm sắc tộc thiểu số, da đen, có nguồn gốc châu Á, là nữ giới. Để thành công thì các nhóm xã hội này cần dành nhiều công sức hơn so với người Anh da trắng, nam giới.

Cũng theo Catherine Lewis La Torre (2020), những trường hợp khởi nghiệp có tỷ lệ thành công hơn so với những trường hợp khác thường là những người có mức thu nhập cao trong quá khứ, những người khởi nghiệp để thỏa mãn ham muốn cá nhân hơn là vì động cơ kinh tế, đặc biệt là người Anh da trắng, nam giới, những người có tiềm lực kinh tế, tài chính dồi dào, nguồn tri thức, kinh nghiệm phong phú tích lũy được trong giai đoạn làm việc trước đó.

Theo đó, để tạo động lực thúc đẩy mạnh mẽ tinh thần khởi nghiệp ở NCT, nước Anh tiến hành nghiên cứu giảm thiểu những rào cản về mặt pháp lý, cung cấp thông tin để các nhà hoạch định chính sách có cái nhìn sâu sắc hơn về hỗ trợ NCT khởi nghiệp (Kautonen, 2013).

Song song với các biện pháp tháo gỡ rào cản về mặt chính sách, nước Anh thực hiện nhiều chương trình đa dạng, song đều hướng mục đích tập trung nâng cao tinh thần khởi nghiệp và cung cấp các biện pháp, cách thức vượt qua khó khăn, cũng như nguy cơ thất bại cho các nhóm xã hội, bao gồm NCT. Những chương trình đó có thể liệt kê như sau (Kibler & cộng sự, 2012):

Vận động, thuyết phục NCT có nhu cầu tiếp tục làm việc song không thể tìm kiếm được việc làm thì tham gia khởi nghiệp. Hoạt động vận động này luôn đi kèm với những tư vấn, hướng dẫn, cung cấp thông tin tạo thuận lợi cho NCT khởi nghiệp.

Tư vấn, giải thích những lợi ích của khởi nghiệp đối với tuổi già tích cực, tuổi già chủ động, tuổi già cống hiến.

Thực hiện nhiều chương trình phát sóng để cổ vũ, quảng bá tinh thần khởi nghiệp.

Thiết lập kênh tư vấn giải đáp thắc mắc về khởi nghiệp

Sử dụng đội ngũ tư vấn viên chuyên nghiệp
Thực hiện các dự án đồng hành khởi nghiệp ...

Sự phát triển mạnh mẽ của các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, của nền kinh tế dịch vụ cũng tạo thành những lợi thế trong hỗ trợ NCT khởi nghiệp tại nước Anh. Những NCT có động cơ khởi nghiệp thường dễ dàng tìm kiếm được những đầu sách hữu ích viết về khởi nghiệp, kinh nghiệm và nghệ thuật khởi nghiệp, những quyết sách khởi nghiệp, những sáng tạo khởi nghiệp, những tư duy khởi nghiệp, những rủi ro khởi nghiệp... Trong trường hợp chưa thỏa mãn với những tài liệu nghiên cứu, NCT có thể tham gia các khóa đào tạo về khởi nghiệp, trong đó có những chương trình không thu phí và chương trình có thu phí. Tại đây, NCT có thể tiếp thu, lĩnh hội, học hỏi, được giải đáp thắc mắc, được trao đổi, chia sẻ những vướng bận, khó khăn cần phòng tránh khi thực hiện dự án khởi nghiệp (Casson. M & Casson. C., 2014).

4.2. Kinh nghiệm của nước Úc

Tại nước Úc, chủ đề về NCT cũng là chủ đề tạo ra nhiều tranh luận tích cực. Báo cáo nghiên cứu của Ủy ban Phát triển kinh tế Australia (CEDA) cho thấy gần 20% dân số Úc dự kiến ở độ tuổi trên 65 tuổi vào năm 2031, tăng từ mức 16% theo số liệu năm 2021 (CEDA, 2023). Các nhà lập pháp, các nhà hoạch định chính sách nhận thấy NCT ở nước Úc ngày càng có sức khỏe tốt hơn nhờ những cải thiện về chất lượng cuộc sống và dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Theo đó, thật là lãng phí nếu nhóm dân số này không tham gia các hoạt động kinh tế. Do vậy, mục tiêu mà Chính phủ đặt ra là làm sao thu hút ngày càng nhiều NCT tham gia thị trường lao động, trong đó có những biện pháp hỗ trợ khởi nghiệp (Commonwealth of Australia, 2015; Hatak & cộng sự., 2013).

Tại nước Úc, có nhiều quan điểm cho rằng khi mà tỷ lệ NCT tăng lên thì số lượng NCT khởi nghiệp cũng tự động theo đó mà tăng theo. Lý do giải thích cho quan điểm này khá đa dạng. Nhiều NCT khởi nghiệp là bởi họ chưa muốn từ bỏ năng lực cống hiến cho xã hội, cho nền kinh tế, nhiều người khác thì không muốn sống một cuộc sống an nhàn, buồn tẻ, nhiều người khác nữa thì không muốn sống cuộc sống ngày càng thu hẹp về các mối

quan hệ xã hội trong gia đình và cộng đồng (Alex & cộng sự, 2015).

Nhiều sáng kiến khác nhau theo đó được thiết kế để hỗ trợ NCT khởi nghiệp tại nước Úc, như sáng kiến có tên gọi là Best Ager, (2) the Female Scheme và (3) PRIME. Những sáng kiến này tập trung vào hỗ trợ NCT thất nghiệp, NCT nữ giới quay trở lại thị trường lao động thông qua các dự án khởi nghiệp (Halabisky & cộng sự., 2012).

Các chính sách, sáng kiến, biện pháp hỗ trợ NCT khởi nghiệp ở nước Úc được thiết kế đa dạng, linh hoạt, tác động theo nhiều khía cạnh khác nhau để tăng cường động cơ khởi nghiệp, kỹ năng và cơ hội khởi nghiệp cho NCT (Kautonen & cộng sự., 2012).

Tại nước Úc, thông qua hệ sinh thái khởi nghiệp, NCT được hỗ trợ về chính sách thuế, phí, thủ tục thành lập doanh nghiệp, tư vấn thị trường, được hỗ trợ về tài chính thực hiện dự án khởi nghiệp, được hỗ trợ về cơ sở hạ tầng cho mục đích thành lập doanh nghiệp. Những trường hợp NCT thiếu kiến thức, kỹ năng khởi nghiệp được hỗ trợ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng. Những trường hợp thiếu kiến thức, kinh nghiệm quản lý được hỗ trợ tham gia các khóa tư vấn, đào tạo nâng cao năng lực quản lý. Những trường hợp thiếu mạng lưới các mối quan hệ kinh doanh được hỗ trợ tham gia mạng lưới kết nối doanh nghiệp với các nhà cung cấp, doanh nghiệp với khách hàng, doanh nghiệp với đối tác liên kết. Để cổ vũ, động viên, khích lệ tinh thần khởi nghiệp ở NCT, nhiều chương trình phát sóng đã tổ chức những phiên trao đổi, tọa đàm chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp, những trường hợp điển hình khởi nghiệp, những buổi lễ tôn vinh văn hóa dành cho NCT khởi nghiệp... (Alex & cộng sự, 2015).

Để hỗ trợ NCT khởi nghiệp, nhiều nhà nghiên cứu cũng chung tay cùng Chính phủ tiến hành các nghiên cứu nhằm phát hiện những rào cản về mặt pháp lý, những rào cản về mặt xã hội, những rào cản về công nghệ, những rào cản về gia đình, những rào cản về tuổi tác, những rào cản thị trường đang cản trở, bào mòn động cơ khởi nghiệp của NCT, từ đó đưa ra thành những trao đổi, tranh luận trên nhiều diễn đàn khác nhau nhằm thu hút sự quan tâm của các nhà hoạch định chính sách. Những biện pháp hỗ trợ gián tiếp này cung cấp thêm những điểm tựa tinh thần để thu hút thêm ngày càng nhiều NCT

tham gia khởi nghiệp. Những biện pháp này đồng thời còn là căn cứ để chính quyền địa phương thực hiện các biện pháp can thiệp về cơ chế, chính sách, luật pháp nhằm tạo hành lang thông thoáng hơn cho NCT khởi nghiệp (Maritz, 2015).

4.3. Kinh nghiệm của Thái Lan

Tại Thái Lan, số liệu thống kê tại năm 2021 cho thấy số người từ 60 tuổi trở lên chiếm tới 12,5 triệu, tương đương với 19% tổng dân số. Theo đó, Thái Lan gần như đã đạt ngưỡng chuyển sang giai đoạn dân số già. Tỷ lệ NCT ở Thái Lan tăng với tốc độ trung bình khoảng 4%/năm, trong đó, tỷ lệ người từ 80 tuổi trở lên tăng với tốc độ trung bình khoảng 7%/năm. Điều này đặt ra nhiều thách thức đảm bảo thu nhập và an sinh xã hội dành cho NCT khi mà hệ thống y tế, chăm sóc sức khỏe và phúc lợi của Thái Lan nhìn chung chưa phát triển tương xứng. Trước tình hình đó, Thái Lan triển khai nhiều chính sách, biện pháp khác nhau nhằm giữ chân NCT trên thị trường lao động, bao gồm cả các biện pháp hỗ trợ khởi nghiệp (Foundation of Thai Gerontology Research and Development institute, 2021).

Cũng như nhiều quốc gia khác trên thế giới, NCT trên thị trường lao động tại Thái Lan đang đối diện với nhiều thách thức. Nguy cơ lớn đối với nhóm xã hội này đó là người sử dụng lao động thường không muốn sử dụng lao động lớn tuổi bởi lý do sức khỏe không đảm bảo, chi phí chăm sóc sức khỏe, đóng góp cho hệ thống y tế tăng cao, nhận thức về công nghệ không theo kịp thời cuộc, hay quên và chậm thích nghi với những yếu tố mới. Do vậy, một bộ phận NCT có kinh nghiệm phong phú, có khả năng tài chính ổn định có thể cân nhắc thực hiện các hoạt động khởi nghiệp để tiếp tục ở lại trên thị trường lao động (Buccieri, 2020).

Tại Thái Lan, tinh thần khởi nghiệp của NCT có mối quan hệ mật thiết với 3 yếu tố cơ bản, đó là: (1) có tư duy tích cực, (2) có nhiều mối quan hệ xã hội phong phú và (3) có lòng tự trọng cao (Kittisak and Siridech, 2021). Chiến lược phát triển xã hội của Thái Lan theo đó có những chương trình, chính sách được ưu tiên thiết kế nhằm góp phần thúc đẩy "tuổi già năng động", "tuổi già tích cực" của NCT thông qua các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp. Thái Lan thực hiện nhiều hoạt động dành cho người khởi nghiệp, bao gồm cả NCT đã tập trung vào những

nỗ lực phân tích thông tin thị trường, qua đó cung cấp thêm dữ liệu cho NCT ra quyết định. Nhiều chương trình đào tạo về "Quản lý chiến lược" dành cho người khởi nghiệp đã giúp cho NCT hiểu rằng để khởi nghiệp thì chiến lược quản lý, phát triển thị trường cần tập trung vào "mô hình quản lý nhanh hơn, tốt hơn và rẻ hơn" (Michael et al., 2014).

Trên thực tế, trước đợt khủng hoảng ở khu vực Châu Á vào năm 1997, Thái Lan chưa tập trung nhiều nguồn lực đầu tư cho phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Sau cuộc khủng hoảng này, nhận thấy vai trò ngày càng quan trọng của các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên Thái Lan đã dành sự quan tâm nhiều hơn đến các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp (Mark, Sineenat, Seksan & Piti, 2016).

Tuy nhiên, các nhà chức trách nhận thấy các chính sách thúc đẩy khởi nghiệp đang có sự thiếu đồng bộ giữa các cơ quan chức năng, thiếu cơ chế hỗ trợ về khoa học, công nghệ, vốn. Những yếu tố này khiến cho môi trường khởi nghiệp của Thái Lan chưa thực sự sôi động (OECD, 2013).

Theo đó, Thái Lan chủ trương thực hiện các biện pháp hỗ trợ khởi nghiệp thông qua các chiến lược phát triển kinh tế. Về mặt vĩ mô, Thái Lan thực hiện đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng giao thông, tạo hành lang thông thoáng cho các hoạt động giao thương giữa các vùng trong cả nước, xúc tiến các hoạt động ngoại giao kinh tế nhằm mở rộng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm. Ở tầm vi mô, Thái Lan thực hiện rà soát các quy định đang cản trở sự phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, những doanh nghiệp mới thành lập nhằm "cởi trói, giải phóng" sự phát triển, qua đó tăng cường năng lực cạnh tranh trong nước và cạnh tranh quốc tế. NCT tham gia khởi nghiệp cũng là một trong các nhóm xã hội được hưởng lợi từ những hoạt động này. Chiến lược cởi trói, giải phóng năng lực khởi nghiệp của Thái Lan còn tập trung vào đào tạo nguồn nhân lực, theo đó, các doanh nhân nói chung, NCT có nhu cầu khởi nghiệp nói riêng đều có thể tham gia các khóa đào tạo năng lực kinh doanh, quản lý, sáng tạo, phân tích thị trường... (Kanchoochat, 2014).

Tại Thái Lan, Ủy ban phụ trách các doanh nghiệp nhỏ và vừa - cơ quan trực thuộc Bộ Công nghiệp, hàng năm chịu trách nhiệm thu thập thông tin về những khó khăn, những sáng kiến thúc đẩy phát

triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, trong đó có những biện pháp thông qua hỗ trợ khởi nghiệp. Những thông tin hữu ích thu được, chẳng hạn những sáng kiến nâng cao năng lực cạnh tranh, đều được phân tích và chuyển hóa vào bản "Đại kế hoạch - Master plan", đóng vai trò là những định hướng chính. Tiếp đó, từng nội dung trong bản Đại kế hoạch được chuyển hóa vào "chương trình hành động cụ thể - action plan". Toàn bộ nội dung trong Đại kế hoạch và Chương trình hành động cụ thể đều được công bố rộng rãi trước công chúng nhằm tăng cường, củng cố tinh thần khởi nghiệp cho các nhóm xã hội, bao gồm NCT. Các nhóm xã hội này được quyền tiếp cận các nguồn vốn vay hỗ trợ trong khoảng một năm để duy trì sự phát triển của doanh nghiệp (Mark, Sineenat, Seksan & Piti, 2016).

5. Bài học rút ra cho Việt Nam

Nội dung nghiên cứu nêu trên cho thấy sự đa dạng của các quốc gia khác nhau trong hỗ trợ NCT khởi nghiệp. Điểm nổi bật trong kinh nghiệm của nước Anh là nghiên cứu những rào cản về chính sách và tập trung vào các giải pháp nâng cao tinh thần khởi nghiệp, bao gồm cổ vũ, quảng bá tinh thần khởi nghiệp; hỗ trợ NCT trong quá trình khởi nghiệp như dự án đồng khởi nghiệp và hỗ trợ thông qua đội ngũ tư vấn chuyên nghiệp, sách, tài liệu và khóa học khởi nghiệp. Để tăng cường động cơ khởi nghiệp, kỹ năng và cơ hội khởi nghiệp cho NCT, kinh nghiệm của nước Úc là nghiên cứu những rào cản về pháp lý, xã hội, công nghệ, gia đình, tuổi tác. Thông qua hệ sinh thái khởi nghiệp, NCT được hỗ trợ toàn diện trên nhu cầu của họ, bao gồm hỗ trợ về chính sách, kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm quản lý, mạng lưới và cộng đồng kinh doanh. Thái Lan nhận thấy hạn chế trong chính sách thúc đẩy khởi nghiệp là đang có sự thiếu đồng bộ giữa các cơ quan chức năng, thiếu cơ chế hỗ trợ về khoa học, công nghệ, vốn. Thái Lan tập trung cho nhóm doanh nghiệp khởi nghiệp quy mô nhỏ và vừa thông qua đầu tư hạ tầng, rà soát quy định đang cản trở năng lực khởi nghiệp, thực hiện chương trình hành động cụ thể về hỗ trợ vốn.

Những kinh nghiệm đó có thể trở thành bài học tham khảo hữu ích cho Việt Nam khi tỷ lệ NCT đang ngày càng gia tăng và nhu cầu khởi nghiệp của nhóm dân số này kéo theo đó cũng tăng theo.

Những hỗ trợ NCT khởi nghiệp tại các quốc gia nêu trên cho phép rút ra một số bài học kinh nghiệm dưới đây.

Một là: nghiên cứu hiểu rõ động cơ "đẩy" và động cơ "kéo" NCT khởi nghiệp.

Kinh nghiệm tại các quốc gia phát triển cho thấy NCT khởi nghiệp thường có những động cơ khác nhau. Khi NCT có mong muốn khởi nghiệp để đáp ứng những nhu cầu, mong muốn của bản thân thì đó là động cơ "đẩy". Việc nghiên cứu hiểu rõ những tác động tích cực từ động cơ này cho phép Nhà nước và xã hội thực hiện những chương trình, chính sách, biện pháp cổ vũ, thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp ở NCT, như những chương trình tôn vinh giá trị của NCT, những đóng góp của NCT, những cống hiến của NCT đối với nền kinh tế, với gia đình và xã hội. Đây dường như là những biện pháp có chi phí đầu tư thấp, song hiệu quả đạt được cao. Nhiều NCT có đủ tiềm lực tài chính, kinh nghiệm, quan hệ xã hội, thị trường... khi được tiếp thêm những động lực "đẩy" này có thể mạnh mẽ hơn, cũng như cảm nhận được sự thỏa mãn ở mức độ cao hơn, từ đó chủ động hơn, tự tin hơn, quyết đoán hơn khi thực hiện dự án khởi nghiệp.

Kinh nghiệm quốc tế cũng cho thấy khi NCT gặp những khó khăn, cản trở khiến họ có thể suy giảm tinh thần khởi nghiệp, chẳng hạn như gặp những khó khăn về mặt tài chính, cơ chế, chính sách hỗ trợ khởi nghiệp hay gặp khó khăn tìm kiếm thị trường... thì họ cần có những động cơ "kéo" để vực dậy tinh thần khởi nghiệp. Theo đó, việc nghiên cứu tìm hiểu rõ những tác dụng tích cực của động cơ "kéo" cũng góp phần nâng cao tinh thần khởi nghiệp cho NCT.

Hiệu quả hơn cả là đồng thời nghiên cứu hiểu rõ cơ chế tác động của động cơ "đẩy" và động cơ "kéo". Sự kết hợp giữa hai loại hình này có tác dụng trợ giúp NCT khởi nghiệp với tỷ lệ thành công cao hơn từng loại hình riêng lẻ.

Hai là: nghiên cứu hiểu rõ những lợi thế và thách thức mà NCT đối diện khi khởi nghiệp.

Theo kinh nghiệm quốc tế nêu trên, nghiên cứu về lợi thế và thách thức cho phép các quốc gia tập trung nguồn lực đầu tư trọng điểm vào hỗ trợ NCT khởi nghiệp mà không bị dàn trải, lãng phí. Những chính sách, biện pháp, chương trình hỗ trợ NCT

khởi nghiệp lúc này tập trung vào giảm thiểu tác động tiêu cực tạo ra từ những thách thức mà NCT gặp phải khi khởi nghiệp.

Ba là: nghiên cứu xây dựng các chương trình quảng bá, tư vấn, hướng dẫn, cung cấp thông tin cho NCT khởi nghiệp

Theo kinh nghiệm của các quốc gia nêu trên, những chương trình quảng bá, tư vấn, hướng dẫn, cung cấp thông tin có tác dụng đồng thời tạo ra động cơ "đẩy" và động cơ "kéo". Chúng cũng có tác dụng tích cực trong trợ giúp NCT vượt qua những rào cản, những thách thức trên lộ trình khởi nghiệp.

Bốn là: nghiên cứu, rà soát, loại bỏ những cơ chế, chính sách tạo ra rào cản NCT khởi nghiệp

Năm là: nghiên cứu xây dựng các cơ chế hỗ trợ dành riêng cho NCT khởi nghiệp, ví dụ ưu đãi về thuế doanh nghiệp, giảm thuế thu nhập cá nhân khi NCT làm việc, ưu tiên một số công việc cho NCT ứng tuyển.

Sáu là: nghiên cứu huy động sự tham gia của các nhà nghiên cứu, các cơ sở đào tạo nhằm nâng cao năng lực hỗ trợ NCT khởi nghiệp.

Vai trò của các nhà nghiên cứu là cung cấp những góc nhìn khoa học từ đó trợ giúp các nhà hoạch

định chính sách có thêm thông tin, góc nhìn sắc bén khi ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ NCT khởi nghiệp.

Vai trò của các cơ sở đào tạo là cung cấp dịch vụ nâng cao năng lực quản lý, điều hành thông qua các chương trình đào tạo dành cho NCT khởi nghiệp.

Bảy là: nghiên cứu xây dựng những sáng kiến hỗ trợ khởi nghiệp dành cho NCT

Tám là: nghiên cứu ban hành những định hướng chính (Đại kế hoạch) và cụ thể hóa thành các chương trình hành động hỗ trợ NCT khởi nghiệp. Những định hướng chính có tác dụng như kim chỉ nam trong trợ giúp NCT định hướng dự án khởi nghiệp. Những chương trình hành động hỗ trợ NCT khởi nghiệp có tác dụng như động cơ "kéo" trong trợ giúp NCT vượt qua những khó khăn, thách thức, rào cản khi khởi nghiệp.

Chín là: nghiên cứu thành lập Ban chuyên trách hỗ trợ NCT khởi nghiệp

Ban chuyên trách này đóng vai trò kết nối NCT khởi nghiệp với chính quyền, với hệ sinh thái khởi nghiệp, với đối tác, thị trường..., qua đó trợ giúp NCT khởi nghiệp thành công.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Alex M., Roxanne Z., Anton D. W., Rosemary F., Aron P., Bronwyn E. (2015). Senior Entrepreneurship in Australia: active ageing and extending working lives. *The International Journal of Organizational Innovation*, Special Issue September 2015
- Alvarez H., Pilar V., María P. M. (2011). *How entrepreneurial characteristics influence company creation: a cross-national*. 2011.
- Botham, R. and A. Graves. (2009). Third age entrepreneurs: innovative business start ups in mid-life and beyond - understanding the drivers and removing the barriers. *Interim report to NESTA*, February 2009.
- Buccieri, D., Javalgi, R., & Cavusgil, E. (2020). International new venture performance: Role of international entrepreneurial culture, ambidextrous innovation, and dynamic marketing capabilities. *International Business Review*, 29(2), 101639
- Catherine L. La Torre. (2020). *Alone, together: Entrepreneurship and diversity in the UK*, British Business Bank
- Casson. M and Casson. C. (2014). *The history of entrepreneurship: Medieval origins of a modern phenomenon*, Business History. Commonwealth of Australia. (2015). *Intergenerational Report Australia in 2055*. Canberra, ACT: The Commonwealth of Australia.
- Chính phủ. (2016). *Quyết định 844/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025"*.
- CEDA. (2021,08,10). *Australia's dire shortage of aged-care workers requires immediate action*. <https://www.ceda.com.au/NewsAndResources/MediaReleases/Health-Ageing/Australia%E2%80%99s-dire-shortage-of-aged-care-workers-req>
- EU. (2012). *Policy Brief on Senior Entrepreneurship*, European Commission, ISBN 978-92-79-25425-3

- Foundation of Thai Gerontology Research and Development institute. (2021). *Situation of the Thai Older Persons 2021*. Nakhon Pathom: Institute for Population and Social Research, Mahidol University.
- GEM. (2017). *GEM 2017 National Report*
- Halabisky, D., Potter, J. & Kautonen, T. (2012). Policy Brief on Senior Entrepreneurship. Luxembourg: OECD
- Hatak, I., Kautonen, T. & Fink, M. (2013). Senior Unternehmertum. Die Betriebswirtschaft, SchaefferPoeschel Verlag, Vol. 73, 7-26
- Hậu, Đ. X., Linh, N.T.P., Chi, N.T.K. và Trang, N.Q. (2019). *Cơ sở lý luận cho khởi nghiệp và khởi nghiệp sáng tạo*.
- Hương, N.T.T. (2019). *Cơ hội và thách thức của Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trước yêu cầu của cuộc cách mạng 4.0*
- Kanchoochat, (2014). *Coalition Politics and Reform Dynamics in Thailand*. National Graduate Institute for Policy Studies, GRIPS Discussion Paper 13-26
- Kautonen, T., T, Tornikoski, E. & Kibler, E. (2012). Entrepreneurial Intentions in the Third Age: The Impact of Perceived Age Norms, *Small Business Economics*, Vol. 37, No 2, 219-234.
- Kibler, E., T. Wainwright, T. Kautonen and R.A. Blackburn. (2012). (Work) life after work?: Older entrepreneurship in London - motivations and barriers, Kingston University, *Small Business Research Centre*, London.
- Kittisak, J and Siridech. K. (2021). Elderly personality traits effect on employees' decision to choose employment of entrepreneurship in Thailand, *International Journal of Entrepreneurship*, Volume 25, Issue 4, 1 -11, 1939-4675-25-4-517.
- Maritz, P.A. (2015). Senior Entrepreneurship in Australia: An Exploratory Approach, *International Journal of Organizational Innovation*, Vol. 7, No 3, 6-24.
- Mark. T, Sineenat. S, Seksan. A & Piti. S. (2016). Small and medium-sized enterprises in Thailand: government policy and economic development, *Asia Pacific Journal of Public Administration*, 38:4, 251-269
- Michael. H, Uthit. S, Chotika. R, Nutchuda. T, Tassanee. T, Chutikarn. K. (2014). Key Factors for Successful Entrepreneurship in Thailand, *Open Journal of Social Sciences*, 2, 116-121.
- OECD. (2013). Senior entrepreneurship, A background paper for the OECD Centre for Entrepreneurship, SMEs and Local Development
- Quốc hội. (2017). *Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*. Luật số 04/2017/QH14.
- Thuận, B.T.B. (2019). *Cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo - kinh nghiệm của Ấn Độ, Singapore và bài học đối với Việt Nam*.
- Wainwright, T., Kibler, E., Kautonen, T., & Blackburn, R. (2015). *One size does not fit all: Uncovering older entrepreneur diversity through motivations, emotions and mentoring needs*, Chapter 3.